

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 15/01/2025

V/v: T/c hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tác và ông Nông Văn Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 12/11/2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 09/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-DS ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: T, số A, Trần Quang K, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện được ủy quyền: Ông Phạm Quốc T; chức vụ: Giám đốc - Chi nhánh tỉnh B địa chỉ: Tổ H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. (Theo văn bản ủy quyền số: 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn L1. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện C. (Theo văn bản ủy quyền số: 1297/QĐ-BIDV.BK ngày 09/10/2024 của Giám đốc - Chi nhánh tỉnh B - Ngân hàng TMCP Đ). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nông Đình T1; sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/4/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch huyện C và anh Nông Đình T1 có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14847596/HĐTD cho anh Nông Đình T1 vay tổng số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng); mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là 11.5%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Định kỳ trả nợ hàng tháng.

Thời điểm cho vay anh T1 là cán bộ nhưng sau thời gian vay vốn do anh T1 đã nghỉ việc nên không còn nguồn trả và món vay bị quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng Nông Đình T1 đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch huyện C được số tiền 75.431.702 đồng (bảy mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi một nghìn bảy trăm linh hai đồng), trong đó: Tiền nợ gốc đã thanh toán là 57.000.000 đồng, tiền lãi đã thanh toán 18.431.702 đồng.

Tính đến ngày 24 tháng 7 năm 2024, anh Nông Đình T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch huyện C với tổng số tiền là 49.572.785đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi năm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng, tiền lãi, phí là 6.572.785 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch huyện C khởi kiện yêu cầu toà án buộc anh Nông Đình T1 phải thanh Toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch huyện C tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/01/2025 anh T1 còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là 52.036.685đ (năm mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi năm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7. 761.188 đồng; lãi phạt chậm trả phần nợ gốc quá hạn: 1.257.497 đồng và phải trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 15/01/2025 đến khi anh Nông Đình T1 thanh Toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng 01/2021/14847596/HĐTD ngày 08/4/2021 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch huyện C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Toà án tiến hành triệu tập hợp lệ, bị đơn anh Nông Đình T1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi anh Nông Đình T1 cư trú theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn Nông Đình T1

không hợp tác, không đến tòa làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án. Qua xác minh với bà Chu Thị N (*Mẹ đẻ của anh Nông Đình T1*) cư trú thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cho biết Nông Đình T1 là con trai của bà hiện nay vẫn ở nhà, tại thời điểm Tòa án xuống xác minh thì T1 đi làm việc không có mặt. Các văn bản của Tòa án gửi đến trong quá trình giải quyết vụ án T1 vẫn nhận được đầy đủ nhưng do T1 không sắp xếp được công việc nên T1 không đến Tòa án làm việc được.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm nghị án Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành (Không hợp tác) đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc anh Nông Đình T1 bị đơn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2025 là: 52.036.685 đồng (năm mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi năm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 7.761.188 đồng; lãi phạt chậm trả phần nợ gốc quá hạn: 1.257.497 đồng và phải trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/01/2025 đến khi anh Nông Đình T1 thanh Toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng 01/2021/14847596/HĐTD ngày 08/4/2021 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện của nguyên đơn tham gia tố tụng theo uỷ quyền có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Nông Đình T1 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ theo quy định tại Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự, không cần thiết niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị đơn theo quy định tại Điều 279 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó,

Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Nông Đình T1 phải có trách nhiệm thanh Toán tiền nợ theo hợp đồng tín dụng, các bên ký kết hợp đồng không vì mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 16 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng xác định vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp.

Bị đơn anh Nông Đình T1 có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Ngày 08/4/2021 Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C và anh Nông Đình T1 có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14847596/HĐTD, cho anh Nông Đình T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Mục đích vay vốn để tiêu dùng; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay là: 11,5%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lịch trả nợ gốc, lãi: định kỳ trả nợ hàng tháng. Biện pháp bảo đảm là: Thế chấp lương. Thực hiện theo hợp đồng, ngày 08/4/2021 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C đã giải ngân cho anh Nông Đình T1 số tiền vay là 100.000.000 đồng. Việc xác lập giao dịch và hợp đồng tín dụng và lãi suất giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C và anh T1 là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 97 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Nên xác định hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C và anh Nông Đình T1 là đúng quy định và hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nông Đình T1 đã thanh Toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C được số tiền 75.431.702 đồng, trong đó: Tiền gốc đã trả là 57.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 18.431.702 đồng. Từ ngày 24 tháng 7 năm 2021 anh T1 không tiếp tục thanh Toán tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C theo thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký nên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với anh T1. Như vậy, anh T1 đã vi phạm Điều 7 của hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T1 phải thanh Toán toàn bộ khoản vay còn lại theo hợp đồng đã ký tạm tính đến ngày 14/01/2025 là 52.036.685 đồng (năm mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi năm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 7.761.188 đồng; tiền lãi phạt chậm trả phần nợ gốc quá hạn là 1.257.497 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/01/2025 cho đến khi trả xong các khoản vay là có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Nông Đình T1 đã được Tòa án giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng đều vắng mặt không hợp tác không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Bị đơn có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ để giải quyết vụ án chính là do anh T1 tự tước đi quyền và nghĩa vụ của mình, do đó Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C đối với anh Nông Đình T1 về nghĩa vụ thanh Toán tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt chậm trả phần nợ gốc theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2021/14847596/HĐTD ngày 08/4/2021 giữa Ngân hàng với anh Nông Đình T1.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 100; khoản 1 Điều 103; khoản 2 Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch huyện C đối với anh Nông Đình T1.

1. Buộc anh Nông Đình T1 có nghĩa vụ thanh Toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện C tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt chậm trả phần nợ gốc tính đến ngày 14/01/2025 là: 52.036.685 đồng (*năm mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi năm đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 7.761.188 đồng; tiền lãi phạt chậm trả phần nợ gốc quá hạn: 1.275.497 đồng.

Kể từ ngày 15/01/2025 anh Nông Đình T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh Toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của

ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh T1 phải tiếp tục thanh Toán cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B – Phòng giao dịch huyện C cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nông Đình T1 phải chịu 2.601.834 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch huyện C được hoàn lại số tiền 1.239.319 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003282 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cận